1. Dấu hiệu đầu tiên trong hội chứng chèn ép khoang? **Chọn câu đúng nhất.**
2. Đau khi căng cơ thụ động
3. Tê
4. Mất mạch
5. Mất vận động
6. Trong hội chứng Volkmanns mạch máu nào bị ảnh hưởng? **Chọn câu đúng nhất.**
7. Quay
8. Cánh tay
9. Trụ
10. Gian cốt sau
11. Nguyên nhân thường gặp nhất gây hội chứng Volkmann ở trẻ em? **Chọn câu đúng nhất.**
12. Gãy liên lồi cầu xương cánh tay
13. Gãy 2 xương cẳng tay
14. Gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
15. Gãy trên lồi cầu xương cánh tay
16. Trật khớp vai thường gặp nhất? **Chọn câu đúng nhất.**
    1. Dưới mỏm quạ
    2. Dưới ổ chảo
    3. Ra sau
    4. Dưới xương đòn
17. Thần kinh nào bị tổn thương trong trật khớp vai ra trước? **Chọn câu đúng nhất.**
    1. Quay
    2. Nách
    3. Ngực dài
    4. Giữa
18. Trong trật khớp vai ra trước tái hồi, động tác vai nào gây ra trật khớp? **Chọn câu đúng nhất.**
    1. Gấp và xoay trong
    2. Dạng và xoay ngoài
    3. Dạng và xoay trong
    4. Duỗi
19. Trật khớp tái hồi ít gặp nhất trong trường hợp nào sau đây? **Chọn câu đúng nhất.**
20. Cổ chân
21. Háng
22. Vai **( thường gặp nhất, trật ra trước).**
23. Bánh chè
24. Tất cả đều đúng trong trật khớp vai tái hồi. **Ngoại trừ:**
25. Tổn thương Hill sachs
26. Tổn thương Bankart
27. Lỏng bao khớp
28. Tổn thương chóp xoay
29. Yếu tố giữ vững động cho khớp vai? **Chọn câu đúng nhất.**
30. Sụn viền
31. Chóp xoay
32. Dây chằng ổ chảo – cánh tay
33. Dây chằng quạ – cánh tay
34. Các thành phần của gân chóp xoay, **ngoại trừ:**
35. Trên gai
36. Dưới vai
37. Dưới gai
38. Tròn lớn
39. Các biến dạng trong gãy cổ xương đùi. **Chọn câu đúng nhất.**
40. Gấp háng và xoay ngoài
41. Gấp và dạng háng
42. Chồng ngắn và xoay ngoài
43. Chồng ngắn và gấp háng
44. Nghiệm pháp nhạy nhất trong chẩn đoán tổn thương dây chằng chéo trước? **Chọn câu đúng nhất.**
45. Lachman test
46. Pivot shift test
47. Test “ngăn kéo trước”
48. Mc Murray test
49. Triệu chứng nhạy nhất phát hiện tổn thương thần kinh giữa vùng cổ tay? **Chọn câu đúng nhất.**
50. Mất vận động cơ dạng ngón cái ngắn
51. Mất vận động cơ gấp ngón cái ngắn
52. Mất cảm giác 1/2 mặt lòng bên quay bàn tay
53. Mất cảm giác đầu ngón III
54. Thần kinh nào bị tổn thương gây triệu chứng “bàn tay rớt”? **Chọn câu đúng nhất.**
55. Quay
56. Trụ
57. Giữa
58. Cơ bì
59. Di lệch xa thường gặp trong gãy xương nào? **Chọn câu đúng nhất.**
60. Xương đùi, xương thuyền
61. Cổ xương đùi, mỏm khuỷu
62. Xương bánh chè, mỏm khuỷu
63. Xương cánh tay, xương đòn
64. **Chọn câu đúng nhất** “ Tennis elbow”?
65. Đau mỏm trên lồi cầu trong
66. Đau chỗ bám gân duỗi vùng cẳng tay
67. Đau chỗ bám gân gấp vùng cẳng tay
68. Đau khi gấp duỗi cổ tay
69. Trong bệnh lý De Quervain’s gân nào bị ảnh hưởng? **Chọn câu đúng nhất**
70. Gân gấp ngón cái dài và ngắn
71. Duỗi cổ tay quay dài và duỗi ngón cái dài
72. Dạng ngón cái dài và ngắn
73. Duỗi ngón cái ngắn và dạng ngón cái dài
74. Nghiệm pháp Finkelstein trong chẩn đoán bệnh nào? **Chọn câu đúng nhất**
75. De Quervain’s
76. Dupuytren’s
77. Hội chứng ống cổ tay
78. Tất cả đều sai
79. Vị trí bao gân gấp bị chít hẹp trong bệnh lý “ Ngón tay lò xo”? **Chọn câu đúng nhất**
80. Đốt giữa
81. Khớp liên đốt gần
82. Đốt gần
83. Khớp bàn ngón
84. Nghiệm pháp dùng trong chẩn đoán tổn thương sụn chêm? **Chọn câu đúng nhất.**
85. Lachman test
86. Pivot shift test
87. Test “ngăn kéo trước”
88. Mc Murray test
89. Lực tác động chấn thương từ ngoài gối gây tổn thương dây chằng nào? **Chọn câu đúng nhất.**
90. Dây chằng bên trong
91. Dây chằng bên ngoài
92. Dây chằng chéo trước
93. Dây chằng chéo sau
94. Dấu “Bulge” dương tính khi khám khớp gối trong trường hợp dịch khớp gối bằng bao nhiêu? **Chọn câu đúng nhất.**
95. 100 ml
96. 400 ml
97. 200 ml
98. < 30 ml
99. Bột ống được sử dụng trong trường hợp gãy xương vùng nào? **Chọn câu đúng nhất.**
100. Vai
101. Háng
102. Chậu
103. Gối
104. Mối liên quan tam giác vùng khuỷu không thay đổi trong trường hợp nào? Chọn câu đúng nhất.
     1. Gãy xương trụ
     2. Trật khớp khuỷu ra trước
     3. Trật khớp khuỷu ra sau
     4. **Gãy trên lồi cầu xương cánh tay**
105. **Chọn câu đúng nhất** cho thuật ngữ “Gãy Bennett”:
106. Gãy trật khớp bàn ngón 1
107. Gãy trật khớp liên đốt ngón 1
108. Gãy đầu dưới xương quay
109. Gãy trật khớp thang bàn
110. Cơ chế chấn thương thường gặp nhất trong gãy mắt cá? **Chọn câu đúng nhất.**
111. Ngửa – xoay ngoài
112. Ngửa – khép
113. Sấp – xoay ngoài
114. Sấp – dạng
115. Các câu sau đúng với tình trạng gãy cổ xương đùi, **ngoại trừ:**
116. Gây ngắn chi
117. Xoay trong cẳng chân
118. Có thể là gãy bệnh lý
119. Có thể điều trị bằng thay khớp háng bán phần
120. Mối tương quan 3 mốc xương vùng khuỷu bị đảo ngược trong trường hợp nào? **Chọn câu đúng nhất.**
121. Gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
122. Gãy lồi cầu trong xương cánh tay
123. Trật khớp khuỷu ra sau
124. Gãy trên lồi cầu xương cánh tay
125. Dấu Froment dương tính trong trường hợp liệt cơ nào? **Chọn câu đúng nhất.**
126. Khép ngón cái
127. Dạng ngón cái ngắn
128. Dạng ngón cái dài
129. Duỗi dài ngón cái
130. Gãy xương gót thường kết hợp với gãy xương nào? **Chọn câu đúng nhất.**
131. Xương sườn
132. Cột sống
133. Xương sọ
134. Xương mác
135. Các yếu tố ảnh hưởng đến lành xương? **Ngoại trừ. Chọn câu đúng nhất.**
136. Loãng xương
137. Nhiễm trùng
138. Mạch máu nuôi kém
139. Mô mềm kẹt ổ gãy
140. Điều cần làm đầu tiên trong cấp cứu bệnh nhân chấn thương có rối loạn tri giác? **Chọn câu đúng nhất.**
141. Đánh giá tri giác bằng thang điểm Glasgow
142. Cố định cột sống cổ
143. Truyền dung dịch Mannitol
144. Kiểm soát đường thở
145. Phần yếu nhất của bao khớp vai? **Chọn câu đúng nhất.**
146. Trước
147. Sau
148. Dưới
149. Trên
150. Thời gian lành xương phụ thuộc vào các yếu tố sau? **Chọn câu đúng nhất.**
151. Tuổi
152. Vị trí gãy
153. Kiểu gãy
154. Mức độ tổn thương mô mềm
155. Tất cả đều đúng
156. **Chọn câu đúng nhất** về khoảng trống chóp xoay?
157. Giữa cơ trên gai và cơ tròn bé
158. Giữa cơ tròn lớn và cơ tròn bé
159. Giữa cơ trên gai và cơ dưới vai
160. Giữa cơ dưới vai và cơ dưới gai
161. Trong gãy xương cánh tay, biến chứng nào yêu cầu phải phẫu thuật ngay lập tức? **Chọn câu đúng nhất.**
162. Gãy hở
163. Tổn thương thần kinh
164. Thuyên tắc động mạch cánh tay
165. Gãy nhiều mảnh
166. Bệnh nhân nữ, 70 tuổi gãy cổ xương đùi vị trí trong bao khớp. Phương pháp điều trị lý tưởng nhất là:
167. Xuyên đinh kéo tạ
168. Thay khớp háng bán phần
169. Kết hợp xương bằng đinh nội tủy
170. Kết hợp xương bằng đinh và nẹp
171. Gãy cổ phẫu thuật xương cánh tay thường gặp ở đối tượng nào? **Chọn câu đúng nhất.**
172. Phụ nữ lớn tuổi
173. Phụ nữ trẻ
174. Đàn ông lớn tuổi
175. Tất cả đều đúng
176. Trong gãy xương đùi, động mạch khoeo rất dễ bị tổn thương bởi:
177. Mảnh gãy đầu gần
178. Mảnh gãy đầu xa
179. Khối máu tụ cơ
180. Mô mềm sưng nề
181. Biến chứng thường gặp nhất của gãy cổ xương đùi? **Chọn câu đúng nhất.**
182. Hoại tử vô mạch
183. Can lệch
184. Không liền xương
185. Tất cả đều sai
186. Ngón tay Mallet là:
187. Gãy bong điểm bám gân duỗi đốt 3 ngón tay
188. Gãy đốt 3 ngón tay
189. Gãy đốt 2 ngón tay
190. Gãy đốt 1 ngón tay
191. Vị trí gãy xương thuyền có khuynh hướng dễ bị hoại tử vô mạch nhất? **Chọn câu đúng nhất.**
192. Gãy eo xương thuyền
193. Gãy củ xương thuyền
194. Gãy cực xa xương thuyền
195. Tất cả đều đúng
196. Kiểu trật khớp háng thường gặp nhất? **Chọn câu đúng nhất.**
197. Ra sau
198. Ra trước
199. Trung tâm
200. Tất cả đều sai
201. Hội chứng chèn ép khoang cấp tính chi dưới bao gồm các đặc điểm sau, **ngoại trừ:**
202. Đau khi thực hiện nghiệm pháp kéo căng
203. Mạch bình thường
204. Cảm giác đầu xa chi dưới bình thường
205. Thuyên tắc tĩnh mạch
206. Vị trí gãy xương đùi thường gây hoại tử vô mạch nhất? **Chọn câu đúng nhất.**
207. Gãy liên mấu chuyển xương đùi
208. Gãy cổ xương đùi
209. Gãy dưới mấu chuyển
210. Gãy thân xương đùi
211. Không liền xương thường gặp trong gãy xương nào? **Chọn câu đúng nhất.**
212. Gãy trên lồi cầu xương cánh tay
213. Gãy xương đòn
214. Gãy đầu dưới xương chày
215. Gãy mỏm quạ
216. Gãy xương thường gặp nhất trong các xương vùng cổ chân? **Chọn câu đúng nhất.**
217. Xương sên
218. Xương ghe
219. Xương gót
220. Xương chêm
221. Cách xử trí không phù hợp trong điều trị gãy xương hở? **Chọn câu đúng nhất.**
222. Cắt lọc vết thương
223. Khâu vết thương ngay thì đầu
224. Khâu gân
225. Điều trị kháng sinh tích cực
226. Liệt “đêm thứ bảy” là liệt thần kinh gì? **Chọn câu đúng nhất.**
227. Quay
228. Trụ
229. Giữa
230. Nách
231. Tư thế khớp gối trong tổn thương sụn chêm trong? **Chọn câu đúng nhất.**
232. Duỗi
233. Gấp
234. Xoay
235. Dạng – khép
236. Nguyên nhân gây kẹt khớp gối? **Chọn câu đúng nhất.**
237. Sụn chêm
238. Sạn khớp
239. Cả 2
240. Không đáp án nào đúng
241. Triệu chứng sớm nhất trong hội chứng Volkmann? **Chọn câu đúng nhất.**
242. Đau vùng khối cơ gấp
243. Mất mạch
244. Đau khi duỗi thụ động cổ tay
245. Tím chi
246. Các trường hợp sau đây cần phẫu thuật nắn ổ gãy và kết hợp xương bên trong. **Ngoại trừ:**
247. Gãy xương hở
248. Nắn kín không thành công
249. Đa chấn thương
250. Gãy xương phạm khớp
251. Tổn thương thần kinh nào gây bàn chân rớt? **Chọn câu đúng nhất.**
252. Thần kinh mác nông
253. Thần kinh mác sâu
254. Thần kinh đùi
255. Thần kinh bịt
256. Gãy Monteggia là kiểu gãy nào? **Chọn câu đúng nhất.**
257. Gãy 1/3 dưới xương quay
258. Gãy 1/3 trên xương quay
259. Gãy 1/3 dưới xương trụ
260. Gãy 1/3 trên xương trụ
261. Gãy Galeazzi là kiểu gãy nào? **Chọn câu đúng nhất.**
262. Phần trên xương trụ
263. Phần dưới xương trụ
264. Phần trên xương quay
265. Phần dưới xương quay
266. Biến dạng thường gặp nhất trong gãy trên lồi cầu xương cánh tay? **Chọn câu đúng nhất.**
267. Không thể sấp ngửa cẳng tay
268. Vẹo trong
269. Vẹo ngoài
270. Tất cả đều sai
271. Gãy mỏm trên lồi cầu trong gây tổn thương thần kinh nào sau đây? **Chọn câu đúng nhất.**
272. Quay
273. Giữa
274. Trụ
275. Nách
276. Cơ chế thường gặp nhất trong tổn thương sụn chêm khớp gối? **Chọn câu đúng nhất.**
277. Duỗi gối
278. Gấp gối
279. Gấp và xoay khớp gối
280. Duỗi và xoay khớp gối
281. Tổn thương “hình quai xách” ở khớp gối thường gặp trong trường hợp nào? **Chọn câu đúng nhất.**
282. Tổn thương dây chằng bên trong
283. Tổn thương dây chằng bên ngoài
284. Tổn thương dây chằng quanh bánh chè
285. Tổn thương sụn chêm
286. Phân độ gãy hở trong truờng hợp gãy xương chày với vết thương rách da 1cm? **Chọn câu đúng nhất.**
287. Độ I
288. Độ II
289. Độ IIIA
290. Độ IIIB
291. Điều trị gãy xương hở bao gồm: **Chọn câu đúng nhất.**
292. Kết hợp xương bên trong
293. Cắt lọc sạch vết thương
294. Đặt khung cố định ngoài
295. b, c đúng
296. Xử trí ban đầu trường hợp gãy hở xương chày. **Chọn câu đúng nhất.**
297. Kháng sinh tĩnh mạch
298. Rửa vết thương bằng nước muối sinh lý và đặt nẹp cố định tạm
299. Cắt lọc vết thương
300. Kết hợp xương bên trong
301. Trong hội chứng ống cổ tay, thần kinh bị chèn ép gây mất khả năng thực hiện động tác nào? **Chọn câu đúng nhất.**
302. Dạng ngón cái
303. Khép ngón cái
304. Gấp khớp liên đốt ngón cái
305. Đối ngón cái
306. Thần kinh giữa bị tổn thương trong trường hợp nào? **Chọn câu đúng nhất.**
307. Trật khớp khuỷu
308. Gãy trên lồi cầu
309. Hội chứng ống cổ tay
310. a,b,c đều đúng
311. Thuyên tắc mỡ xảy ra do nguyên nhân nào sau đây? **Chọn câu đúng nhất.**
312. Gãy cột sống và xương sườn
313. Gãy xương mác
314. Gãy xương sọ
315. Gãy xương dài
316. Thần kinh thường bị tổn thương nhất trong hội chứng Volkmann? **Chọn câu đúng nhất.**
317. Quay
318. Trụ
319. Giữa
320. Gian cốt sau
321. Biến chứng thường gặp nhất của gãy xương đòn. **Chọn câu đúng nhất.**
322. Can lệch
323. Chậm liền xương
324. Không liền xương
325. Tổn thương thần kinh
326. Trong gãy xương cánh tay, biến chứng nào yêu cầu phải phẫu thuật ngay lập tức? **Chọn câu đúng nhất.**
327. Gãy hở
328. Tổn thương thần kinh
329. Thuyên tắc động mạch cánh tay
330. Gãy nhiều mảnh
331. Biến chứng thường gặp nhất của gãy cổ xương đùi? **Chọn câu đúng nhất.**
332. Hoại tử vô mạch
333. Can lệch
334. Không liền xương
335. Tất cả đều sai
336. Trong gãy chỏm mác, thần kinh nào dễ bị tổn thương? **Chọn câu đúng nhất.**
337. Thần kinh mác chung
338. Thần kinh chày trước
339. Thần kinh chày sau
340. Thần kinh gối trong
341. Dấu hiệu quan trọng nhất trong hội chứng Volkmann? **Chọn câu đúng nhất.**
342. Đau
343. Tím
344. Tê
345. Mất mạch quay
346. Thuyên tắc mỡ xảy ra do nguyên nhân nào sau đây? **Chọn câu đúng nhất.**
347. Gãy xương đùi
348. Gãy 2 xương cẳng tay
349. Gãy xương gót
350. Vết thương dập nát bàn chân
351. Biến chứng thường gặp nhất trong trật khớp vai ra trước? **Chọn câu đúng nhất.**
352. Tổn thương đám rối thần kinh
353. Tổn thương thần kinh nách
354. Rách cơ trên gai
355. Rách cơ delta
356. Bong gân là gì? **Chọn câu đúng nhất.**
357. Đứt gân
358. Gân bị bong ra khỏi chổ bám
359. Tổn thương các dây chằng và bao khớp
360. Tổn thương các dây chằng nhiều mức độ khác nhau
361. Phân độ tổn thương dây chằng? **Chọn câu đúng nhất.**
362. 5 độ
363. 2 độ
364. 3 độ
365. 1 dộ
366. Cần điều trị gì trong giai đoạn viêm tấy tổn thương dây chằng? **Chọn câu đúng nhất.**
367. Chườm lạnh
368. Chườm nóng
369. Dùng thuốc giảm đau mạnh
370. B và c đúng
371. Các yếu tố đánh giá tổn thương gọng chày mác trên phim X – quang? **Chọn câu đúng nhất.**
372. Tăng khoảng trống chày mác
373. Giảm chồng xương chày mác
374. Tăng khoảng trống khe khớp chày – sên bên trong
375. Tất cả đều đúng
376. Các yếu tố đánh giá tổn thương gọng chày mác trên phim X – quang? **Chọn câu đúng nhất.**
377. Tăng khoảng trống chày mác
378. Giảm chồng xương chày mác
379. Tăng khoảng trống khe khớp chày – sên bên trong
380. Tất cả đều đúng
381. Vị trí chấn thương gây tổn thương thần kinh mác chung? **Chọn câu đúng nhất.**
382. Thân xương chày
383. Cổ xương mác
384. Thân xương mác
385. Khớp chày mác dưới
386. Gãy bong điểm bám gân duỗi đốt 3 ngón tay gây ra biến dạng nào sau đây? **Chọn câu đúng nhất.**
387. Ngón tay Mallet
388. Dupuytren
389. Ngón tay bật
390. Biến dạng “cổ thiên nga”
391. Kiểu trật khớp háng thường gặp nhất? **Chọn câu đúng nhất.**
392. Ra sau
393. Ra trước
394. Trung tâm
395. Tất cả đều sai
396. Gấp, khép và xoay trong là tư thế thường gặp trong loại trật khớp háng nào? **Chọn câu đúng nhất.**
397. Trật khớp háng ra trước
398. Trật khớp háng ra sau
399. Gãy cổ xương đùi
400. Gãy thân xương đùi
401. Liệt trụ muộn thường gặp trong trường hợp nào? **Chọn câu đúng nhất.**
402. Gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
403. Gãy trên lồi cầu xương cánh tay
404. Gãy lồi cầu trong xương cánh tay
405. Gãy chỏm con xương cánh tay
406. Nguyên nhân thường gặp nhất gây “bàn tay rớt”? **Chọn câu đúng nhất.**
407. Tiêm bắp
408. Gãy xương cánh tay
409. Trật khớp khuỷu
410. Trật khớp vai
411. Gãy “Pilon” là kiểu gãy nào? **Chọn câu đúng nhất.**
412. Gãy phạm khớp đầu dưới xương chày
413. Gãy phạm khớp đầu trên xương chày
414. Gãy xương trụ
415. Gãy xương quay
416. Hội chứng Behcet thường gặp nhất ở vị trí nào? **Chọn câu đúng nhất.**
417. Cổ chân
418. Cổ tay
419. Gối
420. Háng
421. Góc “Bohler” thay đổi trong gãy xương nào? **Chọn câu đúng nhất.**
422. Xương gót
423. Xương sên
424. Xương ghe
425. Xương hộp
426. Phương tiện cận lâm sàng chẩn đoán tổn thương sụn khớp gối? **Chọn câu đúng nhất.**
427. Chọc hút dịch
428. Chụp X quang khớp gối có cản quang
429. X quang khớp gối
430. Nội soi khớp
431. Biến chứng thường gặp nhất của gãy cổ xương đùi vị trí trong bao khớp?
432. Không liền xương
433. Can lệch
434. Thoái hóa khớp
435. Ngắn chi
436. Biến dạng gấp háng, dạng và xoay ngoài được thấy trong kiểu tổn thương nào? **Chọn câu đúng nhất.**
437. Trật khớp háng ra sau
438. Trật khớp háng ra trước
439. Trật khớp háng trung tâm
440. Gãy cổ xương đùi
441. Trong hội chứng Volkmann cơ nào bị ảnh hưởng nhiều nhất? **Chọn câu đúng nhất.**
442. Cơ gấp các ngón nông
443. Cơ sấp tròn
444. Cơ gấp các ngón sâu
445. Cơ gấp cổ tay quay
446. Nguyên nhân gây chậm liền xương sau phẫu thuật? **Chọn câu đúng nhất.**
447. Nhiễm trùng
448. Mạch máu nuôi không đủ
449. Bất động không đủ
450. Tất cả đều đúng
451. Thứ tự ưu tiên trong cấp cứu bệnh nhân chấn thương do tai nạn giao thông? **Chọn câu đúng nhất.**
452. Đường thở, hô hấp, tuần hoàn, chấn thương sọ não
453. Chấn thuơng sọ não, đường thở, hô hấp, tuần hoàn
454. Tuần hoàn, đường thở, hô hấp, chấn thương sọ não
455. Đường thở, tuần hoàn, hô hấp, chấn thương sọ não
456. Tổn thương dây chằng nào trong bong gân cổ chân? **Chọn câu đúng nhất.**
457. Dây chằng sên – mác trước
458. Dây chằng sên – mác sau
459. Dây chằng mác gót
460. Dây chằng Spring
461. Hoại tử vô mạch có thể là biến chứng của gãy xương nào? **Chọn câu đúng nhất.**
462. Gãy xương sên
463. Gãy lồi trong xương đùi
464. Gãy mỏm khuỷu
465. Gãy chỏm quay
466. Test Lachman dương tính trong trường hợp nào? **Chọn câu đúng nhất.**
467. Tổn thương dây chằng chéo trước
468. Tổn thương dây chằng chéo sau
469. Tổn thương sụn chêm trong
470. Tổn thương sụn chêm ngoài
471. Dấu Froment dương tính trong liệt thần kinh nào? **Chọn câu đúng nhất.**
472. Trụ
473. Quay
474. Giữa
475. Nách
476. Thần kinh dễ bị tổn thương nhất trong gãy thân xương cánh tay? **Chọn câu đúng nhất.**
477. Trụ
478. Giữa
479. Quay
480. Nách
481. Gãy xương vùng cổ tay thường gặp nhất? **Chọn câu đúng nhất.**
482. Xương thuyền
483. Xương nguyệt
484. Xương cả
485. Xương đậu
486. Nguyên nhân sốc chấn thương. **Chọn câu đúng nhất.**
487. Gãy nhiều xương
488. Gãy xương lớn
489. Do đau quá mức hoặc mất máu nhiều
490. Do vận chuyển bệnh nhân vội vã
491. Nghiệm pháp nào khám mất vững khớp vai phía dưới? **Chọn câu đúng nhất.**
492. Fulcrum
493. Jerk
494. Sulcus
495. Crank
496. Ý nghĩa dấu Tinel? **Chọn câu đúng nhất.**
497. Đánh giá mức độ tổn thương thần kinh
498. Phân loại tổn thương thần kinh
499. Xác định vị trí tổn thương thần kinh
500. Đánh giá phục hồi thần kinh.